

Bản án số: 90/2018/HS-PT
Ngày 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Bà Đặng Hồ Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số 73/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Duy V và Trần Văn Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Duy V, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 6, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà D; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/9/2017; có mặt.

2. Trần Văn Q, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 10, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà F; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/9/2017; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Duy V: Bà D, sinh năm 1978 và ông C, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn 6, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng (bố mẹ của bị cáo); vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Duy V:* Ông G, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại không kháng cáo:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1997. Nơi cư trú: thôn 3, xã H, huyện B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Duy V và Đỗ Thành K có mâu thuẫn xích mích với nhau trên mạng xã hội Facebook, khoảng 15 giờ ngày 01/3/2017 V cùng Trần Văn Q và Nguyễn Đình L, Bùi Quyết M đều sinh năm 2001 ở xã A, huyện B xuống khu vực xã R để nói chuyện với K. Khi đến nơi thì thấy K cùng O, sinh năm 2000; S, sinh năm 1999; T, sinh năm 2001 đều ở xã U, huyện B. Hai bên đứng nói chuyện nhưng không xảy ra xô xát gì sau đó thì đi về, do vẫn còn bức tức với K nên ngày 04/3/2017 V gặp Q và rủ Q tối cùng ngày xuống khu công nghiệp và dịch vụ Vsip huyện B để đánh nhau với nhóm của K, Q đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày 04/3/2017, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita biển kiểm soát 16N7-2352 của mình chở V từ quán điện tử “Kiên Hương” ở xã A, huyện B đến lán công trường đang thi công ở xã V, huyện B gặp bạn là W ở xã A đang làm trông coi tại đây. Khi vào trong lán V thấy hai con dao, dạng dao bầu dài khoảng 41cm, cán gỗ nên hỏi mượn W, V không nói cho W biết mượn dao để đi đánh nhau. V lấy hai con dao cất giấu vào trong người và rủ W xuống khu công nghiệp và dịch vụ Vsip chơi, W đồng ý và rủ thêm X, sinh năm 2000 ở xã Y, huyện B đi cùng. Q chở V, X chở W đi về quán điện tử “Kiên Hương”. Tại quán, V rủ thêm bạn là M, sinh năm 2001 ở xã Z, huyện B đi chơi cùng, M đồng ý. Sau đó, Q chở M và V, X chở W đến khu vực tập thể dục trong khu công nghiệp và dịch vụ Vsip. Tại đây, Q mở cốp xe lấy 01 bình xịt hơi cay dài khoảng 10cm, màu xanh đậm, trên có hình ngôi sao đỏ đã chuẩn bị từ trước đưa cho V rồi cả nhóm đứng nói chuyện với nhóm bạn gồm: T, sinh năm 2000 ở xã R, huyện B; H, sinh năm 2000; AA, sinh năm 2001; AB, sinh năm 2002 đều ở xã AC, huyện B.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh Đỗ Thành K đi cùng bạn gồm AD, sinh năm 2000; O, sinh năm 2000; AE, sinh năm 2000; S, sinh năm 1999 đều ở xã U, B và Trần Văn N, sinh năm 1997 ở xã H, B điều khiển ba xe mô tô từ tỉnh 359 đi vào khu vực tập thể dục trong khu công nghiệp và dịch vụ Vsip chơi. K điều khiển xe chở N, S điều khiển xe chở O, AD điều khiển xe chở AE. Khi thấy Q điều khiển xe mô tô BKS 16N7-2352 chở V, X điều khiển xe mô tô chở W, AF, T điều khiển xe chở H điều khiển xe chở AA đuổi theo nhóm của K. Nhóm của K quay đầu xe chạy qua cầu B9 ra tỉnh 359. Đuổi được một đoạn thì xe của X, T, L, AG

dừng lại, không đuổi nữa. Q vẫn điều khiển xe chở V đuổi theo nhóm K. Khi đuổi kịp nhóm của K, V cầm bình xịt hơi cay xuống đường, Q tiếp tục điều khiển xe áp sát bên trái xe của K. V dùng tay phải cầm dao bầu chém một nhát từ trên xuống trúng vào lưng Trần Văn N rồi tiếp tục chém một nhát trúng vào tay trái của K. V cởi áo khoác ngoài bọc hai con dao rồi cùng Q quay lại khu vực tập thể dục khu công nghiệp Vsip. Sau đó, Q điều khiển xe chở V đi về, V cầm hai con dao về lán công trường đang thi công trả cho W rồi bỏ trốn. Anh Trần Văn N bị V chém gây thương tích được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa B sau đó được chuyển lên bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng từ ngày 04/3/2017. Ngày 06/3/2017 gia đình anh Trần Văn N trình báo tố cáo hành vi của V với Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: Tại lán công trường đang thi công ở xã V: 02 dao bầu cán gỗ; 01 con dao dài 41cm, bản rộng nhất 07cm; 01 con dao dài 38cm, bản rộng nhất 06cm. Thu của Trần Văn Q: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita biển kiểm soát 16N7-2352. Anh Trần Văn N điều trị tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng đến ngày 17/3/2017 thì ra viện. Bản kết luận giám định thương tích số 166/2017/TgT ngày 31/3/2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân bị một vết thương phần mềm rất lớn vùng lưng phải đã được điều trị tạm thời ổn định, còn để lại sẹo lớn ảnh hưởng đến thẩm mỹ tại vùng vết thương. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương lớn trên có ảnh hưởng thẩm mỹ tại vùng vết thương gây nên 12%. Thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây lên.

Anh Đỗ Thành K bị Phạm Duy V chém 01 nhát vào tay trái làm rách áo nhưng không bị thương tích nên từ chối giám định thương tích, không yêu cầu đề nghị gì. Ngày 04/9/2017 Phạm Duy V đến cơ quan điều tra đầu thú. Tại cơ quan điều tra V và Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử phạt bị cáo Phạm Duy V: 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q:

24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 23/8/2018 bị cáo Trần Văn Q kháng cáo, ngày 31/8/2018 bị cáo Phạm Duy V kháng cáo. Cả hai bị cáo đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Duy V và Trần Văn Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo là chưa phù hợp. Vì vậy, với mức hình phạt bị cáo V 30 tháng tù, bị cáo Q 24 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn xin cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, các bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Duy V: Trợ giúp viên pháp lý không tranh luận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên, tâm sinh lý chưa phát triển đầy đủ, nhận thức còn hạn chế. Vì vậy đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Phạm Duy V và Đỗ Thành K do mâu thuẫn xích mích với nhau trên mạng xã hội Facebook. Ngày 04/3/2017 Trần Văn Q đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16N7-2352 chở V đuổi đánh Đỗ Thành K khi K đang chở anh Trần Văn N ngồi sau xe, V đã dùng dao chém anh Trần Văn N gây thương tích và làm giảm 12% sức khỏe. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhận định và phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tự nguyện bồi thường cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo V sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo là chưa phù hợp. Vì giữa bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước. Hình phạt đã tuyên đối với bị cáo V 30 tháng tù, bị cáo Q 24 tháng tù là có phần nghiêm khắc như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn xin cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, các bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với các bị cáo Phạm Duy V, Trần Văn Q.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Duy V 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Duy V cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng trong thời gian giáo dục, thử thách. Hủy bỏ biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Phạm Duy V.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, Điều 65 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng trong thời gian giáo dục, thử thách. Hủy bỏ biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Trần Văn Q.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 TANDTC;
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND TPHP;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Thủy Nguyên;
- Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Phương

